



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 28 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên (đến hết ngày 31/7/2021)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 19/4/2021)
	Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 19/4/2021)

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lé Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021

ĐT:
: ÔN
: NH
KP
: LI



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00197/1-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **23 -08- 2021**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		640.575.032.963	503.486.461.526
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	90.240.156.816	42.587.710.609
Tiền	111		90.240.156.816	42.587.710.609
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.108.889.590	100.233.705.149
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	150.002.866.382	104.655.347.288
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.412.117.415	3.201.689.960
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	18.650.456.164	14.188.696.223
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(21.099.536.643)	(21.848.707.921)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		142.986.272	36.679.599
Hàng tồn kho	140	12	389.264.881.784	360.665.045.768
Hàng tồn kho	141		399.378.667.052	363.762.748.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.113.785.268)	(3.097.702.761)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.961.104.773	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.348.098.835	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		613.005.938	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.020.165.622.087	1.052.070.196.190
Tài sản cố định	220		293.304.275.745	304.122.582.247
Tài sản cố định hữu hình	221	13	291.878.914.310	302.581.742.694
Nguyên giá	222		678.581.166.564	664.599.949.960
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(386.702.252.254)	(362.018.207.266)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.425.361.435	1.540.839.553
Nguyên giá	228		6.949.935.312	6.949.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.524.573.877)	(5.409.095.759)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.996.073.231	17.514.033.621
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	8.996.073.231	17.514.033.621
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	643.353.969.014	647.346.105.597
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.346.030.986)	(34.353.894.403)
Tài sản dài hạn khác	260		74.511.304.097	83.087.474.725
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	74.511.304.097	83.087.474.725
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.660.740.655.050	1.555.556.657.716

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		384.265.837.131	318.574.845.405
Nợ ngắn hạn	310		384.265.837.131	318.574.845.405
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	66.185.088.858	34.884.165.669
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.362.317.152	2.022.643.407
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	23.214.574.058	11.287.758.492
Phải trả người lao động	314		25.508.484.165	17.722.840.502
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	27.019.954.252	11.170.442.587
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.164.951.841	40.569.004.129
Vay ngắn hạn	320	22	231.138.802.794	199.619.897.815
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	2.671.664.011	1.298.092.804
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.276.474.817.919	1.236.981.812.311
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.276.474.817.919	1.236.981.812.311
Vốn cổ phần	411	25	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	359.274.889.306	350.266.833.180
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.733.413.922	54.248.464.440
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(2.914)	2.139.155.643
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		84.733.416.836	52.109.308.797
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.660.740.655.050	1.555.556.657.716

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	955.424.924.824	742.152.862.492
Giá vốn hàng bán	11	30	690.301.779.008	505.713.904.671
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		265.123.145.816	236.438.957.821
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	6.757.551.539	1.010.823.488
Chi phí tài chính	22	32	7.999.867.875	5.189.653.797
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.958.858.830	3.443.201.779
Chi phí bán hàng	25	33	110.671.735.863	97.645.357.934
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	42.845.032.018	39.944.258.560
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		110.364.061.599	94.670.511.018
Thu nhập khác	31		1.610.719.992	2.251.292.183
Chi phí khác	32		1.202.203.359	1.604.709.627
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		408.516.633	646.582.556
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		110.772.578.232	95.317.093.574
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	21.290.363.032	21.774.025.136
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		89.482.215.200	73.543.068.438

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng




Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	110.772.578.232	95.317.093.574
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	25.494.399.681	23.126.040.974
Các khoản dự phòng	03	10.259.047.812	10.469.115.030
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	53.680.389	33.972.968
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.789.152.407)	(233.261.657)
Chi phí lãi vay	06	2.958.858.830	3.443.201.779
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	144.749.412.537	132.156.162.668
Biến động các khoản phải thu	09	(45.982.459.510)	(45.556.072.237)
Biến động hàng tồn kho	10	(35.615.918.523)	40.962.330.821
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	59.315.217.224	35.453.338.800
Biến động chi phí trả trước	12	6.533.195.218	(6.087.189.061)
		128.999.446.946	156.928.570.991
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.958.858.830)	(3.443.201.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.803.591.942)	(14.130.623.996)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.216.855.282)	(1.086.179.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.020.140.892	138.268.566.216
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(20.397.858.136)	(23.088.984.538)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	156.792.725
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	4.789.152.407	122.335.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.608.705.729)	(22.809.855.981)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	444.930.359.724	275.563.569.608
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(413.411.454.745)	(223.016.265.127)
Tiền trả cổ tức	36	(74.277.893.935)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(42.758.988.956)	52.547.304.481
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	47.652.446.207	168.006.014.716
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	42.587.710.609	30.622.933.390
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	90.240.156.816	198.628.948.106

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngLê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 16.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng công ty có 335 nhân viên (1/1/2021: 333 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipex, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn trong lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ trước.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi nào trong cơ cấu đơn vị phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.474.691.316	1.913.666.871
Tiền gửi ngân hàng	88.765.465.500	40.674.043.738
	<hr/>	<hr/>
	90.240.156.816	42.587.710.609
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex	81.349.451.073	42.912.740.974
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Total Lubrificants	6.219.334.228	5.881.599.628
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	4.345.732.037	1.650.193.334
Các khách hàng khác	50.621.872.133	46.744.336.441
	<hr/>	<hr/>
	150.002.866.382	104.655.347.288
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	1.933.116.536	1.620.286.372
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	9.101.746.985	7.511.748.929
	<hr/>	<hr/>
	11.034.863.521	9.132.035.301
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	3.971.210.615	1.552.448.591
Phải thu từ người lao động	138.332.530	59.604.649
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.506.049.498	3.444.607.682
	<hr/>	<hr/>
	18.650.456.164	14.188.696.223
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	1.976.286.342	(1.976.286.342)	-	Trên 3 năm	1.976.286.342	(1.976.286.342)	-
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	6.094.777.091	(6.094.777.091)	-	Trên 3 năm	6.186.341.431	(6.186.341.431)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	857.487.271	(600.241.090)	257.246.181	2 - 3 năm	1.071.507.831	(750.055.482)	321.452.349
Các công ty khác	1 - 2 năm	129.206.750	(64.603.375)	64.603.375	1 - 2 năm	1.401.554.149	(700.777.075)	700.777.074
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	1.082.044.542	(324.613.363)	757.431.179	6 tháng - 1 năm	654.107.366	(196.232.209)	457.875.157
		22.178.817.378	(21.099.536.643)	1.079.280.735		23.328.812.501	(21.848.707.921)	1.480.104.580

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (21.099.536.643)



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	33.475.249.329	-	9.797.246.887	-
Nguyên vật liệu	187.884.076.289	-	178.749.314.668	-
Công cụ và dụng cụ	6.470.939.552	-	5.904.530.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.049.910.950	-	15.909.213.639	-
Thành phẩm, hàng hóa	154.498.490.932	(10.113.785.268)	153.402.442.938	(3.097.702.761)
	399.378.667.052	(10.113.785.268)	363.762.748.529	(3.097.702.761)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 10.685 triệu VND hàng thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2021: 3.112 triệu VND).



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	274.304.029.051	322.825.250.381	47.276.616.226	20.194.054.302	664.599.949.960
Tăng trong kỳ	734.295.492	640.000.000	1.347.181.818	4.637.698.129	7.359.175.439
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.004.618.061	617.423.104	-	-	6.622.041.165
Số dư cuối kỳ	281.042.942.604	324.082.673.485	48.623.798.044	24.831.752.431	678.581.166.564
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	135.661.472.146	181.053.302.156	30.160.100.330	15.143.332.634	362.018.207.266
Khấu hao trong kỳ	10.339.543.987	11.275.766.896	1.489.122.005	1.579.612.100	24.684.044.988
Số dư cuối kỳ	146.001.016.133	192.329.069.052	31.649.222.335	16.722.944.734	386.702.252.254
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	138.642.556.905	141.771.948.225	17.116.515.896	5.050.721.668	302.581.742.694
Số dư cuối kỳ	135.041.926.471	131.753.604.433	16.974.575.709	8.108.807.697	291.878.914.310

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 138.981 triệu VND (1/1/2021: 128.685 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	6.949.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	5.409.095.759
Khấu hao trong kỳ	115.478.118
Số dư cuối kỳ	5.524.573.877
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.540.839.553
Số dư cuối kỳ	1.425.361.435

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2021: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	17.514.033.621	51.357.231.938
Tăng trong kỳ	2.654.080.775	12.738.116.089
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.622.041.165)	(35.057.834.840)
Biến động khác	(4.550.000.000)	(1.278.177.813)
Số dư cuối kỳ	8.996.073.231	27.759.335.374

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của tài sản chờ lắp đặt và một số công trình khác.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	30/6/2021				1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con										
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	100%	361.400.000.000	-	(*)	-	361.400.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	100%	254.300.000.000	-	(*)	-	254.300.000.000	-	(*)
				615.700.000.000	-		-	615.700.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(38.346.030.986)		6.600.000	66.000.000.000	(34.353.894.403)	(*)
				681.700.000.000	(38.346.030.986)			681.700.000.000	(34.353.894.403)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	30.479.844.495	15.228.096.952	12.420.920.987	24.958.612.291	83.087.474.725
Tăng trong kỳ	-	-	1.431.872.353	1.326.474.296	2.758.346.649
Phân bổ trong kỳ	(412.874.779)	(282.001.796)	(2.237.422.159)	(8.402.218.543)	(11.334.517.277)
Số dư cuối kỳ	30.066.969.716	14.946.095.156	11.615.371.181	17.882.868.044	74.511.304.097

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	4.519.759.379	3.189.570.742
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	674.084.791	1.777.458.790
	<hr/>	<hr/>
	5.193.844.170	4.967.029.532
Các bên khác		
▪ Công ty TNHH Châu Phước Thành	5.767.826.526	3.106.760.133
▪ Lubrizol Southeast Asia Pte Ltd.	3.288.574.697	-
▪ Ducat Chemical Co., Ltd.	2.724.484.120	-
▪ Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	2.655.895.626	3.106.385.747
▪ Các nhà cung cấp khác	46.554.463.719	23.703.990.257
	<hr/>	<hr/>
	66.185.088.858	34.884.165.669

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.426.744.076	81.444.301.525	(78.634.165.242)	4.236.880.359
Thuế nhập khẩu	-	6.603.706.983	(6.542.840.882)	60.866.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.920.910.336	21.290.363.032	(11.803.591.942)	12.407.681.426
Thuế bảo vệ môi trường	5.530.674.052	36.297.021.940	(36.902.735.260)	4.924.960.732
Thuế thu nhập cá nhân	1.409.430.028	3.027.590.229	(3.888.321.633)	548.698.624
Thuế khác	-	1.517.451.086	(481.964.270)	1.035.486.816
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	11.287.758.492	150.180.434.795	(138.253.619.229)	23.214.574.058



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	22.005.470.871	9.005.599.756
Chi phí phải trả khác	5.014.483.381	2.164.842.831
	<hr/>	<hr/>
	27.019.954.252	11.170.442.587
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả cổ tức	1.918.472.615	35.797.583.550
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.288.055.956	1.262.384.277
Các khoản phải trả khác	2.958.423.270	3.509.036.302
	<hr/>	<hr/>
	7.164.951.841	40.569.004.129
	<hr/>	<hr/>

22. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	199.619.897.815	444.930.359.724	(413.411.454.745)	231.138.802.794
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,8	30.644.979.522	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	4,0	-	40.162.538.491
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,8	200.493.823.272	159.457.359.324
			<hr/>	<hr/>
			231.138.802.794	199.619.897.815
			<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 5 tháng.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.298.092.804	(605.911.379)
Trích lập trong kỳ	9.590.426.489	-
Sử dụng trong kỳ	(8.216.855.282)	(1.086.179.000)
Khác	-	2.446.295.385
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.671.664.011	754.205.006

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	138.772.757.552	1.308.946.988.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	73.543.068.438	73.543.068.438
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(2.804)	(2.804)
Số dư tại ngày 30/6/2020	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	212.315.823.186	1.382.490.054.426
Số dư tại ngày 1/1/2021	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	350.266.833.180	20.463.604.691	54.248.464.440	1.236.981.812.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	89.482.215.200	89.482.215.200
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	9.008.056.126	-	(9.008.056.126)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.590.426.489)	(9.590.426.489)
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(40.398.783.000)	(40.398.783.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(103)	(103)
Số dư tại ngày 30/6/2021	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	359.274.889.306	20.463.604.691	84.733.413.922	1.276.474.817.919

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	30/6/2021		1/1/2021	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. **Cổ tức**

Ngày 2 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2020 với giá trị 80.798 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 121.196 triệu VND (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020; trong đó bao gồm 80.798 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu) đã được tạm ứng và ghi nhận trong năm 2020 và 40.398 triệu VND (tương đương 500 VND trên một cổ phiếu) đã được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo chính sách tài chính hiện hành và quyết định của cổ đông của Tổng công ty.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	55.510	1.283.381.721	66.228	1.537.474.663
Euro (“EUR”)	206	5.877.919	212	5.915.651
		<u>1.289.259.640</u>		<u>1.543.390.314</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn cho năm sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt	76.813.000.000	73.448.000.000
	<u>76.813.000.000</u>	<u>73.448.000.000</u>

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Bán dầu mỡ nhờn	925.999.317.793	717.778.687.696
Bán hàng hóa khác	29.425.607.031	24.374.174.796
	<u>955.424.924.824</u>	<u>742.152.862.492</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	654.053.736.435	474.782.681.407
Giá vốn hàng hóa khác	29.231.960.066	21.544.722.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.016.082.507	9.386.500.324
	690.301.779.008	505.713.904.671

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	40.354.043	122.335.832
Lợi nhuận được chia từ công ty con	4.748.798.364	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.968.399.132	888.487.656
	6.757.551.539	1.010.823.488

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.958.858.830	3.443.201.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	586.266.969	1.348.188.863
Chiết khấu thanh toán	462.605.493	240.241.785
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	3.992.136.583	158.021.370
	7.999.867.875	5.189.653.797


 D. P. M.S.D. NAI

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	16.323.073.154	14.411.211.157
Chi phí vận chuyển	16.123.777.119	12.786.214.299
Chi phí hỗ trợ bán hàng	38.169.210.791	33.003.016.464
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	22.970.837.904	21.815.327.504
Chi phí khấu hao	2.135.225.565	2.453.030.650
Chi phí sửa chữa	822.605.635	1.141.959.199
Chi phí bán hàng khác	14.127.005.695	12.034.598.661
	110.671.735.863	97.645.357.934

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	26.624.124.263	19.642.116.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.304.972.330	1.553.833.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.873.878.136	917.130.304
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.042.057.289	17.831.178.913
	42.845.032.018	39.944.258.560

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	581.866.138.267	396.288.083.788
Chi phí nhân viên	61.577.988.722	48.777.817.070
Chi phí khấu hao và phân bổ	25.494.399.681	23.126.040.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.865.858.396	12.642.545.272
Chi phí khác	100.923.869.493	97.183.971.284

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	110.772.578.232	95.317.093.574
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	22.154.515.646	19.063.418.715
Chi phí không được khấu trừ thuế	85.607.059	653.057.927
Thu nhập không bị tính thuế	(949.759.673)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.057.548.494
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.290.363.032	21.774.025.136

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty mẹ <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Trả cổ tức	31.944.629.500	-
Công ty con <i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	34.022.500	37.093.600
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	522.783.800	835.576.300
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	48.701.500	73.922.000
▪ Lợi nhuận được chia	4.748.798.364	-

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Các công ty liên quan		
<i>Các công ty thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	776.036.490.313	623.056.623.959
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	4.074.207.174	3.765.219.610
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	9.575.048.165	7.972.248.790
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	815.328.251	783.120.083
Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	765.828.638	599.127.000
Phó Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	483.321.384	487.604.167
Thành viên Hội đồng Quản trị 1		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	765.828.638	487.604.167
Thành viên Hội đồng Quản trị 2		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	489.393.588	8.187.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 3		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	123.124.857	104.120.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 4		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	553.357.284	435.479.083
Thành viên Hội đồng Quản trị 5		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	96.989.258	8.187.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 6		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	123.124.857	104.120.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 7		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	-	95.933.833
Thành viên Hội đồng Quản trị 8		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	-	685.204.250

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc